

NỘI DUNG BÀI HỌC TUẦN 5 - NGŨ VĂN 6

BÀI 2: MIỀN CỔ TÍCH

Tiết: 18, 19

VĂN BẢN 2: EM BÉ THÔNG MINH

I. Chuẩn bị đọc

II. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Kể tóm tắt các sự việc chính.

2. Bố cục văn bản: 4 phần

- Đoạn 1: Từ đầu đến “một mạch về tâu vua”: Vua tìm người hiền tài và em bé giải câu đố của quan.

- Đoạn 2: Tiếp theo đến “ăn mừng với nhau rồi”: Em bé giải câu đố của vua lần 1.

- Đoạn 3: Tiếp theo đến “ban thưởng rất hậu”: Em bé giải câu đố của vua lần 2.

- Đoạn 4: Còn lại: Em bé giải câu đố của sứ giả nước ngoài.

III. Suy ngẫm và phản hồi

1. Truyện cổ tích “Em bé thông minh” kể về kiểu nhân vật thông minh.

2. Đây là lời của người kể chuyện vì đây là phần lời người kể đang tường thuật lại sự việc diễn ra.

3. Những thử thách mà em bé đã vượt qua:

Stt	Thử thách	Kết quả	Phẩm chất
1	Trả lời câu hỏi phi lí của viên quan, khi viên quan hỏi cha cậu cày mỗi ngày được mấy đường.	Hỏi vặn lại viên quan: “...ngựa của ông đi một ngày được mấy bước...”	Thông minh, giải quyết vấn đề rất nhanh nhẹn, tính cách ngây thơ, hồn nhiên, biết giúp đỡ mọi người khi cần thiết,...
2	Nhà vua bắt dân làng cậu bé nuôi trâu đực phải đẻ được con.	Lên vào sân rồng khóc um lên: “... mẹ con chết sớm mà cha con thì không chịu đẻ em bé để chơi với con...” → Đưa nhà vua bị gài bẫy phải nói ra sự vô lí trong câu đố của chính mình.	
3	Thịt một con chim sẽ phải dọn thành ba cỗ bàn thức ăn.	Đưa cho sứ giả một chiếc kim khâu, xin cho rèn thành một con dao. → Giải đố bằng cách đố lại.	
4	Xâu sợi chỉ mềm qua đường ruột ốc xoắn dài.	Vừa chơi vừa hát một khúc hát đồng dao để giải đố. → Dùng mẹo dân gian bắt kiến xỏ chỉ.	

=> Các thử thách trong truyện có ý nghĩa tạo tình huống thuận lợi cho nhân vật bộc lộ phẩm chất thông minh của mình.

4. Kết thúc truyện:

+ Kết thúc có hậu. → Đặc điểm nổi bật của thể loại truyện cổ tích.

+ Kết thúc hay, phù hợp diễn biến truyện, đáp ứng được mong muốn của người tiếp nhận, góp phần thể hiện rõ chủ đề của truyện,...

5. Chủ đề: Đề cao trí thông minh dân gian, được đúc rút từ hiện thực cuộc sống, kinh nghiệm đời sống lao động vô cùng phong phú.

6. Bài học: Bên cạnh kiến thức được học ở trường, cần học hỏi, tích lũy thêm kiến thức từ đời sống xung quanh, học mọi lúc, mọi nơi. Kiến thức đó rất hữu ích khi ta giải quyết những vấn đề khó khăn trong cuộc sống.

IV. Luyện tập

Học sinh tổng kết lại những đặc điểm của thể loại truyện cổ tích qua hai văn bản: “Sọ Dừa”, “Em bé thông minh”:

- Về cốt truyện cổ tích:.....
 - Về nhân vật cổ tích:.....
 - Về đề tài:.....
 - Về chủ đề:.....
 - Về người kể chuyện (ngôi kể):.....
-

Tiết: 20

ĐỌC KẾT NÓI CHỦ ĐỀ

CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

I. Trải nghiệm cùng văn bản

1. Tác giả: Lâm Thị Mỹ Dạ.
2. Thể thơ: Lục bát.

II. Suy ngẫm và phản hồi

1. Những câu thơ cho biết lí do tác giả yêu chuyện cổ nước nhà:

“Tôi yêu truyện cổ nước tôi

.....

Ở hiền thì lại gặp hiền

Người ngay thì gặp người tiên độ trì”

Tác giả yêu chuyện cổ nước nhà là vì:

- Vì truyện cổ rất nhân hậu, ý nghĩa rất sâu xa.
- Vì truyện cổ giúp ta nhận ra những phẩm chất quý báu của cha ông: thương người, công bằng, thông minh, độ lượng, đa tình, đa mang,...
- Vì truyện cổ truyền cho đời sau nhiều lời răn dạy quý báu của cha ông: nhân hậu, ở hiền gặp lành, chăm làm, sống có chính kiến,...

2. Ý nghĩa các câu thơ:

"Đời cha ông với đời tôi

Như cha ông với chân trời đã xa

Chỉ còn chuyện cổ thiết tha

Cho tôi nhận mặt ông cha của mình"

=> Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, thế hệ cha ông đã trở thành quá khứ xa xôi nhưng những câu chuyện cổ sẽ lưu giữ lại lịch sử, truyền thống văn hoá để con cháu đời nay có thể hiểu về đất nước mình, cha ông mình.

3. Câu thơ "Thị thơm thì giầu người thơm" bắt nguồn từ truyện cổ tích Tấm Cám, "người thơm" được hiểu là con người hiền lành, nhân hậu, lương thiện.

4. Qua câu thơ "Tôi nghe chuyện cổ thắm thì/ Lời cha ông dạy cũng vì đời sau", tác giả muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp: những câu chuyện cổ là những bài học sâu sắc, có ý nghĩa sâu xa mà cha ông ta nhằm răn dạy con cháu phải biết sống đúng đạo lí, gìn giữ những giá trị văn hoá dân tộc.

Dặn dò:

- Học bài.
- Chuẩn bị bài tuần 6.
- Ôn tập chuẩn bị kiểm tra thường xuyên lần 1 (tuần 6).

